

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



ĐOÀN MINH HẢI

**PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP, QUA THỰC TIỄN MÔ HÌNH
LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ Ở BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.....	3
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	4
7. Bố cục của luận văn.....	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã.....	5
1.1.1. Khái niệm hợp tác xã.....	5
1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của Hợp tác xã.....	5
1.2. Hợp tác xã nông nghiệp	7
1.2.1. Các mô hình hợp tác xã nông nghiệp	7
1.2.2. Đặc điểm của hợp tác xã nông nghiệp	7
1.2.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của hợp tác xã nông nghiệp.....	8
1.2.4. Điều kiện xã viên, quyền lợi, nghĩa vụ của xã viên của hợp tác xã nông nghiệp.....	8
1.2.5. Quan hệ tài sản và tài chính của hợp tác xã nông nghiệp	9
1.2.6. Cơ sở khoa học về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp	9
1.2.7. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp.....	9
1.3. Liên kết chuỗi giá trị trong các hợp tác xã nông nghiệp	10
1.3.1. Khái niệm “chuỗi giá trị”	10
1.3.2. Vai trò liên kết chuỗi giá trị trong các hợp tác xã nông nghiệp.....	10
1.4. Đặc thù tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trong mô hình liên kết chuỗi giá trị.....	11
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp ..	11
1.5.1. Các yếu tố ngoại lực	11
1.5.2. Các yếu tố nội lực	11
Tiểu kết Chương 1	12
Chương 2. PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP QUA THỰC TIỄN MÔ HÌNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ Ở BÀ RỊA – VŨNG TÀU	12
2.1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp	12
2.1.1. Những quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.....	12

2.2. Tình hình tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	13
2.2.1. Kết quả đạt được	13
2.2.2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	17
2.3. Những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.....	19
2.3.1. Ưu điểm	19
2.3.2. Hạn chế	20
2.4. Bài học kinh nghiệm cho tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp qua mô hình liên kết chuỗi giá trị cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ...	20
Tiểu kết Chương 2	21
Chương 3. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP	21
3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã.....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.....	22
3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động hợp tác xã	22
3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp	23
Tiểu kết Chương 3	25
KẾT LUẬN.....	26
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã là một trong những chủ trương mang tính chất chiến lược được Đảng và Nhà nước xác định nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định “*Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã là vấn đề hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Chuyển đổi hợp tác xã kiểu cũ theo Luật Hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực, phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001). Tại Đại hội lần thứ XII, Đảng tiếp tục khẳng định: “*Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả*” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016).

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, nhất là từ khi Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành, khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã đã có sự phát triển cả về lượng và chất. Số hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị ngày càng tăng và đang trở thành phương thức tổ chức sản xuất phổ biến để tăng quy mô, hiệu quả và phát triển bền vững. Các hợp tác xã tham gia tích cực vào chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, ... và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, vai trò toàn diện trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, việc nghiên cứu kinh tế hợp tác xã vẫn là vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn.

Bà Rịa – Vũng Tàu là tỉnh có điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Từ khi Luật Hợp tác xã đi vào thực tiễn, cùng với cả nước, hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có những bước phát triển đáng ghi nhận, đáp ứng được một phần nhu cầu của người lao động, hộ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức và hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn một số tồn tại, hạn chế, nhiều hợp tác xã nông nghiệp hoạt động không hiệu quả, còn trông chờ vào chính sách ưu đãi của nhà nước; nhiều hợp tác xã phát triển chậm, doanh thu và lợi nhuận thấp; khó khăn trong việc huy động vốn, việc thúc đẩy chuỗi giá trị liên kết vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, khiến cho mô hình liên kết chưa phát huy hết tiềm năng. Khắc phục được những hạn chế, khó khăn trên sẽ giúp hợp tác xã nông nghiệp phát triển có hiệu quả, phát huy vai trò hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ và kinh tế tập thể gắn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Với lý do đó, tôi chọn đề tài: “*Pháp luật về tổ chức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở Bà Rịa Rịa – Vũng Tàu*” để nghiên cứu, nhằm góp phần giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong thời kỳ đổi mới, quá trình hội nhập cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, vấn đề nghiên cứu về hợp tác xã đã trở thành chủ đề được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý cả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ,

phạm vi khác nhau. Tiêu biểu là những công trình đã được công bố như:

2.1. Nhóm các công trình được in và phát hành dưới hình thức sách

- Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014): “Một số nội dung chủ yếu cơ bản và các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu về hợp tác xã”, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội. Cuốn sách đã hệ thống hóa hệ thống văn bản pháp luật về Hợp tác xã như: Luật Hợp tác xã năm 2012 và các nghị định, hướng dẫn thi hành, cuốn sách làm rõ bản chất tổ chức 3 hợp tác xã và các quy định cụ thể chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc thù đối với hợp tác xã.

- Tổng Cục Thống kê (2014), Sự phát triển của các Hợp tác xã giai đoạn 2008-2011, Nhà xuất bản Thống kê cuốn sách đã cung cấp những thông tin cơ bản phản ánh thực trạng và kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực hợp tác xã trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, thuộc địa phương trong cả nước từ năm 2008 đến năm 2011 trên cơ sở cập nhật, tổng hợp thông tin thu được từ các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê.

- Chu Tiến Quang (2013), Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội. Tác phẩm đã đề cập đến vai trò và tính tất yếu khách quan của việc phát triển hợp tác xã; thực trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã ở nước ta.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2021, nhà xuất bản Thống kê, cuốn sách gồm những thông tin cơ bản đánh giá mức độ phát triển hợp tác xã của cả nước và các địa phương giai đoạn 2016-2019.

2.2. Nhóm các công trình là báo cáo khoa học, các kỷ yếu hội thảo, các báo cáo nghiên cứu đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2020), Văn kiện Đại hội lần IV. Văn kiện đã đánh giá tình hình kinh tế tập thể, hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 và phương hướng phát triển kinh tế tập thể và nhiệm vụ của Liên minh hợp tác xã tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

- Công trình nghiên cứu của Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Một số giải pháp, sửa đổi, bổ sung quy định kiểm toán áp dụng riêng đối với hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã”. Đề tài Khoa học cấp Bộ, 2013. Công trình nghiên cứu đã nêu thực trạng của hợp tác xã của Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2013, quá trình chuyển đổi từ Luật Hợp tác xã 2003 bằng Luật Hợp tác xã 2012, những điểm mới của Luật Hợp tác xã 2012, kinh nghiệm phát triển hợp tác xã tại Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, công trình đã tổng hợp các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã của Chính phủ Việt Nam.

- Khổng Văn Thăng (2017), phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Bắc Ninh – thực trạng và giải pháp, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh (số 26, tháng 6/2017), tác giả đã đánh giá khái quát thực trạng hoạt động hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh trong đó đã chỉ ra phần lớn các hợp tác xã chỉ làm được liên kết đầu vào cho sản xuất, ít có hợp tác xã làm được liên kết đầu ra, tác giả nhận định Bản thân các hợp tác xã cũng phải đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Chủ động liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, coi đây là quan trọng để tạo ra sự biến đổi căn bản về chất của hợp tác xã nông nghiệp hiện nay.

- Nguyễn Thị Thúy Hạnh (2018), Giải pháp thúc đẩy phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn Tây Nguyên, Bài đăng trên tạp chí Khoa học quản lý, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kom Tum (Số 3 năm 2018), tác giả đã phân tích một số lợi

ích của xã viên khi tham gia chuỗi giá trị từ đó đề xuất 04 nhóm giải pháp phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn Tây Nguyên.

2.3. Các Luận án Tiên sĩ, Luận văn Thạc sĩ có liên quan đến đề tài nghiên cứu

- Doãn Thị Vân Anh (2014), Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Nội dung luận văn tập trung làm rõ vai trò của khung pháp luật, xây dựng nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả Quản lý nhà nước đối với hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay.

- Trần Khiêm Phong (2017), Quản lý nhà nước đối với các hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, Luận văn thạc sĩ Quản lý công Học viện Hành chính Quốc gia, tác giả thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang, qua đó đề ra các phương hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện QLNN đối với hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam. Trong đó xác định phát triển Hợp tác xã Nông nghiệp là một yêu cầu tất yếu trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay.

- Phạm Lượng (2019), Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã Nông nghiệp, qua thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế, Đại học Luật, Đại học Huế đã phân tích về thực trạng áp dụng pháp luật tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã vào thực tiễn ở nước ta và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó tập trung vào 03 khía cạnh bao gồm quy trình thành lập, giải thể, cơ cấu tổ chức và thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sau Đại hội chuyên đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012, những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại.

Nhìn chung, các công trình, tác phẩm nghiên cứu đã cho thấy được những lý luận và thực tiễn vấn đề về kinh tế tập thể nói chung, hợp tác xã nói riêng. Tuy nhiên, chưa có đề tài, công trình nào nghiên cứu cụ thể đối với lĩnh vực pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở Bà Rịa – Vũng Tàu. Qua đó, tác phẩm của tác giả là độc lập, không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đây.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Thực trạng tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã qua mô hình liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luật hợp tác xã năm 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành, các vấn đề về tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh, phương thức điều hành và thực tiễn hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, các mô hình liên kết chuỗi giá trị.

- Về thời gian: Trong giai đoạn 2012-2021.

- Về không gian: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

4.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về hợp tác xã, nghiên cứu thực tiễn tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, mô hình liên kết chuỗi giá trị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu qua đó đưa ra phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề thực hiện được mục đích trên, Luận văn có nhiệm vụ:

- *Thứ nhất:* Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp;
- *Thứ hai:* Đánh giá thực trạng pháp luật, cũng như thực trạng tổ chức và hoạt động hợp tác xã qua mô hình chuỗi liên kết giá trị ở Bà Rịa – Vũng Tàu từ khi có Luật hợp tác xã năm 2012 đến nay;
- *Thứ ba:* Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác xã và phát triển hợp tác xã trong nông nghiệp. Đồng thời, phản ánh chân thật nhất các kết quả nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn chú trọng sử dụng phương pháp tổng kết thực tiễn, phân tích, so sánh, điều tra khảo sát (từ nguồn số liệu từ Sở Nông nghiệp Và phát triển nông thôn; và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu); trao đổi với một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hợp tác xã; kinh nghiệm các hợp tác xã nông nghiệp trong và ngoài tỉnh, cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết nhằm làm sáng tỏ và hệ thống một cách đầy đủ các vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tại Chương 1.
- Phương pháp phân tích văn bản pháp luật, phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng rộng rãi trong các chương của luận văn nhằm làm rõ nội dung quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.
- Phương pháp tổng kết thực tiễn nhằm trình bày đầy đủ thực tiễn tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp qua mô hình liên kết chuỗi giá trị ở Bà Rịa - Vũng Tàu: chủ yếu sử dụng cho chương 2, chương 3 của luận văn.
- Phương pháp so sánh chủ yếu sử dụng cho chương 1, chương 2 của luận văn.
- Phương pháp điều tra khảo sát chủ yếu sử dụng cho chương 2 của luận văn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa về khoa học

Luận văn góp phần làm rõ những vấn đề cơ bản của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp.

6.2. Ý nghĩa về thực tiễn

Luận văn là nguồn tư liệu bổ sung phục vụ quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp qua mô hình liên kết chuỗi giá trị. Kết quả nghiên cứu có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về Luật kinh tế.

7. Bộ cục của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục; luận văn được kết cấu 3 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về tổ chức, hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp

Chương 2: Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chương 3: Quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã

1.1.1. Khái niệm hợp tác xã

Theo liên minh hợp tác xã quốc tế (International cooperative alliance- ICA): “hợp tác xã là một tổ chức tự trị của những người tự nguyện liên hiệp lại để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung của họ về kinh tế, xã hội và văn hoá thông qua một xí nghiệp cùng sở hữu và quản lý dân chủ”.

Tổ chức lao động quốc (TLO) định nghĩa hợp tác xã là sự liên kết của những người đang gặp phải những khó khăn kinh tế giống nhau, tự nguyện liên kết lại trên cơ sở bình đẳng quyền lợi và nghĩa vụ, sử dụng tài sản mà họ đã chuyển giao vào hợp tác xã phù hợp với các nhu cầu chung và giải quyết khó khăn đó chủ yếu bằng sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bằng cách sử dụng các chức năng kinh doanh trong tổ chức hợp tác phục vụ cho lợi ích và tinh thần chung.

Ở nước ta, trước thời kỳ đổi mới năm 1986, khái niệm hợp tác xã được định nghĩa dựa trên cơ sở tập thể hoá quyền sở hữu ruộng đất, tập thể hoá lao động và các tư liệu sản xuất khác của nông hộ, xoá bỏ tư cách chủ thể kinh doanh của mỗi nông hộ, biến người lao động trong mỗi nông hộ trở thành người lao động bộ phận của một đơn vị tổ chức lao động hợp tác là hợp tác xã. Tại đó, quyền tự chủ của người dân bị hạn chế, các quyết định về sản xuất, kinh doanh đều do tập thể quyết định.

Tháng 3 năm 1996, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa IX đã ban hành Luật hợp tác xã. Theo đó, hợp tác xã được định nghĩa: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Ngày 26 tháng 11 năm 2003, tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật hợp tác xã sửa đổi, bổ sung (Luật hợp tác xã năm 2003). Theo đó, hợp tác xã được định nghĩa: hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (sau đây gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của Hợp tác xã

Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do các thành viên góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hợp tác xã có tư cách

pháp nhân, có tổ chức chặt chẽ, hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình và được đối xử bình đẳng như các thành phần kinh tế khác.

- Nguyên tắc tổ chức hoạt động của hợp tác xã: Khi xây dựng hợp tác xã kiểu mới phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản:

+ Nguyên tắc tự nguyện: Mọi cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật hợp tác xã, tán thành điều lệ hợp tác xã đều có quyền gia nhập hợp tác xã. Thành viên có quyền ra khỏi hợp tác xã theo quy định của điều lệ hợp tác xã. Nguyên vọng của họ được tôn trọng, không bị cưỡng bức, ép buộc.

+ Nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và công khai: Thành viên có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát hợp tác xã. Mọi thành viên đều có quyền ngang nhau trong biểu quyết theo hình thức mỗi người một phiếu bầu, giá trị mỗi phiếu như nhau, không phụ thuộc vào mức độ góp vốn. Đồng thời, hợp tác xã phải thực hiện tốt việc công khai theo định kỳ cho thành viên biết về phương thức, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công khai tài chính, phân phối thu nhập của hợp tác xã.

+ Nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Trong thành lập và hoạt động, hợp tác xã có quyền được lựa chọn ngành nghề sản xuất, kinh doanh phù hợp mà pháp luật không cấm, theo ý chí và nguyện vọng của thành viên; hoàn toàn tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, chủ động phát huy các nguồn lực, năng động tìm kiếm cơ hội kinh doanh, cạnh tranh để tồn tại và phát triển; tự chịu trách nhiệm trong cơ chế thị trường, liên doanh, liên kết với các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế. Trong phân phối lợi ích và giải quyết những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi, phải tuân thủ nguyên tắc cùng có lợi, hài hòa lợi ích giữa thành viên với thành viên, giữa thành viên với hợp tác xã, giữa hợp tác xã với cộng đồng.

+ Nguyên tắc hợp tác và phát triển cộng đồng: hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể gắn kết lợi ích kinh tế của các thành viên hợp tác xã với lợi ích xã hội và phát triển cộng đồng. Không ngừng nâng cao vai trò, tính chất xã hội của hợp tác xã để giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần tích cực thực hiện chủ trương giải quyết công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội, tăng cường tình làng nghĩa xóm, đoàn kết cộng đồng.

- Quan hệ sở hữu và phân phối trong hợp tác xã: Khi ra nhập hợp tác xã mỗi xã viên bắt buộc phải góp vốn theo quy định của điều lệ. Phần vốn góp của xã viên thuộc sở hữu của từng thành viên, các nguồn khác thuộc sở hữu chung của hợp tác xã. Sau khi làm xong nghĩa vụ nộp thuế, lãi của hợp tác xã được phân phối như sau: Thanh toán các khoản bù lỗ; trích lập các quỹ của hợp tác xã; chia lãi theo vốn góp và công sức đóng góp của xã viên có tính đến mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

- Xã viên hợp tác xã: Có thể là cá nhân hoặc hộ gia đình, mỗi xã viên có thể đồng thời là thành viên của nhiều hợp tác xã, không phân biệt ngành, nghề, địa giới hành chính. Mỗi xã viên đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

- Quan hệ giữa hợp tác xã và xã viên: hợp tác xã tôn trọng quyền độc lập tự chủ kinh tế của xã viên. Sự hình thành và phát triển hợp tác xã nông nghiệp không phá vỡ tính độc lập tự chủ của kinh tế hộ, trang trại gia đình. Nó có tác dụng tạo điều kiện phát triển tăng thu nhập cho kinh tế của các hộ xã viên. Trên cơ sở đó mà thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hợp tác xã.

- Điều kiện thành lập, hoạt động, giải thể hợp tác xã: Khi thành lập hợp tác xã cần phải có điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh cụ thể có tính khả thi, được đại hội xã viên thông qua và cơ quan có trách nhiệm phê duyệt. Trong trường hợp giải thể theo nghị quyết của đại hội xã viên, hoặc bị buộc phải giải thể theo quyết định của pháp luật, hợp tác xã phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cơ quan có thẩm quyền. Đại hội xã

viên hoặc đại hội đại biểu xã viên có thẩm quyền quyết định cao nhất đối với mọi hoạt động của hợp tác xã.

- Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế do các thành viên tự nguyện lập ra, nó không phải là một tổ chức xã hội. Hợp tác xã hoạt động theo luật pháp quy định trước hết về mục tiêu kinh tế. Hợp tác xã chỉ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ xã hội đối với các xã viên của chính hợp tác xã, không thể biến hợp tác xã thành một tổ chức xã hội, hoặc bắt buộc hợp tác xã làm nhiệm vụ như một tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị của địa phương.

- Mô hình tổ chức và hoạt động của hợp tác xã Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã không bị giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa giới hành chính. Mọi hoạt động của hợp tác xã phải được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp, cả về kinh tế, chính trị, xã hội; cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên.

Như vậy, với những đặc điểm trên, mô hình hợp tác xã ở hiện tại (Hợp tác xã kiểu mới) hoàn toàn khác với mô hình hợp tác xã thời kỳ trước đổi mới (Hợp tác xã kiểu cũ). Hợp tác xã kiểu cũ mang những đặc trưng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp; tập thể hóa toàn bộ tư liệu sản xuất, không thừa nhận vai trò của kinh tế hộ, tổ chức và hoạt động theo địa giới hành chính, tổ chức sản xuất tập thể, tập trung, phân phối theo ngày công lao động, mô hình hợp tác xã được áp dụng nhất loạt trong cả nước, ít chú ý đến đặc điểm của từng nơi.

1.2. Hợp tác xã nông nghiệp

1.2.1. Các mô hình hợp tác xã nông nghiệp

Tùy theo điều kiện kinh tế xã hội, Đảng và Nhà nước có những chủ trương, chính sách để xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Qua thực tiễn của nước ta cụ thể là ở các tỉnh phía nam có thể nêu một số mô hình hợp tác xã nông nghiệp sau đây:

- Tập đoàn sản xuất nông nghiệp: Đây là mô hình hợp tác sản xuất trong nông nghiệp giai đoạn sau giải phóng năm 1975 đến khoảng năm 1980. Tập đoàn được thành lập theo đơn vị ấp, hoặc xã tùy quy mô số lượng dân số, diện tích đất đai. Tất cả nông dân lao động và người lao động làm thuê ở tại chỗ (theo khu vực Tập đoàn) có lao động, nghề nghiệp, từ 16 tuổi trở lên tự nguyện xin vào Tập đoàn, thì đều có thể được xét kết nạp vào Tập đoàn. Tập đoàn thực hiện tập thể hóa về đất đai, máy móc công cụ, trâu bò cày kéo, phân phối thu nhập theo nguyên tắc công bằng, hợp lý, quản lý dân chủ mỗi hộ, mỗi người lao động cần đăng ký lao động và tự nguyện thực hiện đúng và tốt việc đăng ký lao động đó. Tập đoàn tạo mọi điều kiện thực hiện đúng và tốt quản lý lao động có định mức, khoán việc đúng mức, hạch toán công đều chính xác, kịp thời, đảm bảo ăn chia phân phối công bằng hợp lý.

- Mô hình hợp tác xã nông nghiệp: chia làm hai loại hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ và hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

- Mô hình liên hợp tác xã, đây là tổ chức kinh tế tập thể đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng, dân chủ trong quản lý liên hợp tác xã. Liên hiệp hợp tác xã phát triển đến trình độ cao hơn thì sẽ hình thành các doanh nghiệp của hợp tác xã.

1.2.2. Đặc điểm của hợp tác xã nông nghiệp

Một là, hợp tác xã nông nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là Luật Hợp tác xã 2012 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Hai là, hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế vừa thể hiện tính kinh doanh vừa mang tính xã hội. Hợp tác xã nông nghiệp bên cạnh việc vừa tiến hành việc cùng sản xuất và kinh doanh, tạo ra thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp thì hợp tác xã nông

nghiệp còn là tổ chức kinh tế xã hội khi các hợp tác xã tạo điều kiện cho tất cả các thành viên của mình cùng lao động sản xuất và kiếm được thu nhập từ các việc làm của hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp còn là tổ chức thực hiện việc đóng góp trên cơ sở tự nguyện và được hưởng lợi từ việc lao động của mình.

Ba là, Hợp tác xã nông nghiệp có số lượng thành viên tối thiểu là 07 thành viên theo quy định bắt buộc về thành lập hợp tác xã. Cùng với đặc điểm tối thiểu là 07 thành viên thì cá nhân thì phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nếu là hộ gia đình thì phải có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Bốn là, hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức được thành lập một cách hợp pháp khi tổ chức này đáp ứng đủ các điều kiện về thành lập hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức pháp nhân, do đó hợp tác xã này cũng có cơ cấu tổ chức như cơ cấu tổ chức của một pháp nhân, cũng có cơ quan điều hành, có điều lệ theo quy định của pháp luật.

Năm là, hợp tác xã nông nghiệp có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; hợp tác xã nông nghiệp phải có các tài sản độc lập và nếu có rủi ro thì hợp tác xã nông nghiệp phải tự chịu trách nhiệm. Về tài sản thì hợp tác xã nông nghiệp có các tài sản bao gồm cả vốn góp và các phần vật chất khác như tài sản hiện hữu cố định, quyền sử dụng đất.

Sáu là, hợp tác xã nông nghiệp nhân danh mình độc lập tham gia vào các quan hệ pháp luật: Trên cơ sở các thành viên hợp tác xã tự nguyện tham gia thành lập hợp tác xã về cả góp vốn, lao động sản xuất, cùng làm việc cũng như về các cam kết tự nguyện dụng hàng hóa, dịch vụ do chính hợp tác xã cung cấp, do đó có thể hiểu Hợp tác xã nông nghiệp tự mình tham gia các quan hệ pháp luật.

1.2.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của hợp tác xã nông nghiệp

- Hợp tác xã nông nghiệp có quyền về lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực, quy mô sản xuất kinh doanh, địa bàn hoạt động, quyết định cơ cấu tổ chức, thuê lao động, xuất nhập khẩu, phân phối thu nhập, huy động vốn, được bảo hộ bí quyết về công nghệ và quyền từ chối những can thiệp từ bên ngoài trái với quy định của pháp luật. Một số nội dung đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp:

Thứ nhất chủ động tổ chức các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp theo khả năng, lợi thế và tập quán sản xuất.

Thứ hai, chủ động tìm kiếm các khả năng phát triển các ngành nghề khác nhau để đa dạng hoá kinh tế hợp tác xã, thoát dần khỏi tình trạng thuần nông và độc canh, hiệu quả thấp.

- Giống như các loại hình doanh nghiệp khác hợp tác xã phải tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ ngành nghề đã đăng ký, thực hiện các nghĩa vụ về việc bảo đảm các quyền của xã viên, thực hiện nghĩa vụ đối với xã viên trực tiếp lao động cho hợp tác xã và người lao động làm thuê. Ngoài ra phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và toàn xã hội.

1.2.4. Điều kiện xã viên, quyền lợi, nghĩa vụ của xã của hợp tác xã nông nghiệp

- Điều kiện để trở thành xã viên hợp tác xã nông nghiệp: Là công dân lao động nông nghiệp hoặc lao động trong một số hoạt động gắn bó mật thiết với lĩnh vực nông nghiệp từ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, là người dân sống trong cùng cộng đồng nông thôn.

- Quyền lợi của xã viên hợp tác xã nông nghiệp: Được làm việc cho hợp tác xã và hưởng thù lao theo lao động, được hưởng phần lãi chia theo vốn góp, theo công sức đóng góp và mức độ sử dụng dịch vụ hợp tác xã, được hợp tác xã cung cấp các thông

tin cần thiết, được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, được hưởng các phúc lợi chung của hợp tác xã, được khen thưởng khi có nhiều đóng góp xây dựng và phát triển hợp tác xã.

- Nghĩa vụ của xã viên hợp tác xã nông nghiệp: Gồm hai mặt nghĩa vụ vật chất và nghĩa vụ chính trị. Cụ thể, chấp hành điều lệ, góp vốn theo quy định, cùng chịu rủi ro, thiệt hại và các khoản lỗ của hợp tác xã trong phạm vi vốn góp của mình, bồi thường thiệt hại cho mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của điều lệ.

1.2.5. Quan hệ tài sản và tài chính của hợp tác xã nông nghiệp

- Quan hệ tài sản trong hợp tác xã nông nghiệp: Tài sản của hợp tác xã nông nghiệp được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, đó là nguồn vốn góp của xã viên dưới dạng tiền tệ hoặc hiện vật quy ra giá trị; nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức kinh tế; nguồn quà biếu theo tính chất kinh tế và pháp lý của nguồn gốc hình thành tài sản của hợp tác xã phân thành: nhóm tài sản từ nguồn nội tại và nhóm tài sản từ bên ngoài. Quan hệ tài sản trong hợp tác xã nông nghiệp rất đa dạng, những tài sản mang tính cộng đồng là những tài sản có giá trị lớn thường là tài sản thuộc về các công trình công cộng.

- Quan hệ tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp: Quan hệ tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp phản ánh sự vận động của các dòng tiền tệ diễn ra trong hợp tác xã trong quá trình sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Cụ thể là những nguyên tắc trong việc huy động vốn góp của xã viên các nguồn vốn khác để phát triển sản xuất kinh doanh và phân phối lãi trong hợp tác xã nông nghiệp.

1.2.6. Cơ sở khoa học về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp

Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012. Các hợp tác xã nông nghiệp thực hiện quản lý dựa trên việc hình thành ba định chế cơ bản đi từ dân chủ đến tập trung đó là: Đại hội xã viên, ban quản trị, ban kiểm soát. Trong đó, đại hội xã viên là cơ quan quyền lực cao nhất và thực hiện quyền lực của mình dựa trên nguyên tắc dân chủ tổng hợp quyền lực của các xã viên, thể hiện ở chỗ có quyền quyết định mọi vấn đề về tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, có quyền lập ra ban quản trị, ban kiểm soát, chủ nhiệm hợp tác xã cũng như các chức danh quan trọng khác.

Ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ huy động vốn trong hợp tác xã nông nghiệp. Ban quản trị có quyền lựa chọn kế toán trưởng, cơ cấu tổ chức và các bộ phận nghiệp vụ, chuyên môn hợp tác xã. Ban kiểm soát thực hiện quyền giám sát, kiểm tra ban quản trị và xã viên trong việc thực hiện nghị quyết của đại hội xã viên.

Chủ nhiệm hợp tác xã đại diện trước pháp luật để quan hệ đối ngoại, chủ động điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, được quyền triệu tập các cuộc họp ban quản trị để thảo luận và quyết định các vấn đề phát sinh

1.2.7. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp

Tuy gặp nhiều khó khăn trong bước chuyển mình sang cơ chế mới, nhưng các hợp tác xã nông nghiệp đã từng bước phát huy vai trò không thể thiếu được của mình trong phát triển kinh tế – xã hội nông thôn nước ta

1.2.7.1. Vai trò kinh tế

- Hợp tác xã nông nghiệp với những hoạt động tích cực của mình là cầu nối giữa kinh tế hộ với thị trường.

- Xây dựng hợp tác xã nông nghiệp góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp góp phần đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông thôn.

- Xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lại lao động trên địa bàn nông thôn.

- Xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp góp phần tiếp nhận tiến bộ khoa học, công nghệ, thiết bị kỹ thuật hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp.

- Hợp tác xã nông nghiệp giúp tăng cường công khai dịch vụ, hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giúp cho người lao động có việc làm.

1.2.7.2. Vai trò xã hội

- Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức kinh tế - xã hội mang tính chất trợ giúp người dân, được xây dựng trên cơ sở các giá trị về tự chịu trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng, công khai và đoàn kết.

Vai trò xã hội nổi bật của hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng chính là việc góp phần quan trọng trong xoá đói giảm nghèo; làm cho cộng đồng dân cư trở nên đoàn kết, gắn bó nhau hơn, góp phần củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Ngoài những vai trò đã nêu trên, phải kể đến vai trò bảo tồn, lưu truyền các giá trị truyền thống, văn hóa dân tộc của các hợp tác xã làng nghề..

1.3. Liên kết chuỗi giá trị trong các hợp tác xã nông nghiệp

1.3.1. Khái niệm “chuỗi giá trị”

“Chuỗi giá trị” (Value chain) do Michael Porter khởi xướng vào thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Theo ông, đó là “một tập hợp các hoạt động để đưa một sản phẩm từ khái niệm đến khi đưa vào sử dụng và cả sau đó. Chuỗi giá trị bao gồm các hoạt động như thiết kế mẫu mã, sản xuất, marketing, phân phối và dịch vụ sau khi bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Những hoạt động này có thể được thực hiện trong phạm vi một doanh nghiệp hoặc được phân phối giữa các doanh nghiệp khác nhau”.

1.3.2. Vai trò liên kết chuỗi giá trị trong các hợp tác xã nông nghiệp

Vai trò và sức mạnh của liên kết được áp dụng trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Những mô hình liên kết có hiệu quả phần lớn do các thành viên có chung mục tiêu, phương pháp, chính sách hành động đúng đắn và phải cùng có nghĩa vụ, quyền lợi theo mức độ về năng lực và hiệu quả do các thành viên đóng góp. Liên kết “4 nhà” thường được nói đến bao gồm Nhà nước, nhà sản xuất (nông dân), nhà kinh doanh và nhà khoa học, một hình thức liên kết thị trường, thông qua các chính sách giúp điều hòa mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên tham gia, đặc biệt khi nhu cầu và giá cả thị trường biến động mạnh. Liên kết bốn nhà trong hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp thời gian qua đã thực sự mang lại lợi ích cho các bên. Nhà nông dựa vào vốn, chính sách, pháp luật của Nhà nước (nhà quản lý) để sản xuất đúng hướng và có hiệu quả. Nhà quản lý cung cấp vốn thông qua ngân hàng, cung cấp thông tin, thị trường cho nông dân, có thể đứng ra tổ chức việc liên kết và đảm bảo cho sản xuất, kinh doanh đi đúng hướng, có hiệu quả. Nhà khoa học tạo ra giống, quy trình kỹ thuật và đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho người nông dân... Nhà doanh nghiệp thường là “mốc cuối cùng” trong chuỗi liên kết vì là khâu tiêu thụ sản phẩm và cũng có thể là “mốc khởi đầu” trong nhiều trường hợp. Với trí tuệ và sức mạnh tổng hợp của chuỗi liên kết “nhiều nhà”, hợp tác xã kiểu mới chắc chắn sẽ hạn chế được rủi ro và thất bại trong sản xuất.

Liên kết không chỉ có lợi cho sản xuất của nông dân mà cho cả nhà doanh nghiệp và các chủ thể khác. Như vậy, sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết giá trị là hướng đi bền vững giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông dân. Hình thức này đảm bảo cho các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm với nhau, điều tiết cung cầu thị trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp cũng là một giải pháp quan trọng của “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” được phê duyệt theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10-6-2013 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Đặc thù tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trong mô hình liên kết chuỗi giá trị

Liên kết sản xuất chuỗi là hướng đi bền vững giúp nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như tăng thu nhập cho người dân. Hợp tác xã nông nghiệp là đầu mối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ, quyết định sự thành công của chuỗi. Bởi chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp là sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm, mỗi công đoạn sẽ do một bên chuyên trách thực hiện; trong đó nông dân tham gia trực tiếp vào sản xuất nông sản, hợp tác xã cung cấp vật tư đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật và tập hợp sơ chế nông sản, quản lý bảo đảm chất lượng nông sản và doanh nghiệp thu mua, quảng bá, đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

Để có thể sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững cần sự bảo đảm tham gia của các bên, tức là để xây dựng được chuỗi giá trị hoạt động hiệu quả cần có sự phối hợp của các bên, giữa nông dân với hợp tác xã và doanh nghiệp tiêu thụ; đặc biệt là vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong xây dựng liên kết chuỗi sản xuất - tiêu thụ. Do vậy, tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp phải đảm bảo tính năng động, nhạy bén, cán bộ quản lý hợp tác xã phải có năng lực kiểm soát, theo dõi sự vận hành của từng khâu, từng mắt xích trong quy trình chuỗi giá trị sản phẩm; thực hiện được vai trò liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, tham gia tích cực vào chuỗi giá trị sản phẩm, góp phần chuyên dịch và cơ cấu lại kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn...

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp

1.5.1. Các yếu tố ngoại lực

1.5.1.1. Thị trường và kinh tế thị trường....

1.5.1.2. Đô thị hóa, công nghiệp hóa ...

1.5.1.3. Yếu tố về môi trường kinh tế – xã hội ...

1.5.2. Các yếu tố nội lực

1.5.2.1. Tinh thần hợp tác...

1.5.2.2. Sự tham gia...

1.5.2.3. Tính dân chủ...

1.5.2.4. Tính minh bạch...

1.5.2.5. Phương thức điều hành...

1.5.2.6. Vốn kinh doanh...

1.5.2.7. Khả năng áp dụng khoa học và công nghệ....

Tiểu kết Chương 1

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về hợp tác xã và pháp luật về hợp tác xã là những nội dung quan trọng, giúp tạo dựng cơ sở cho việc đi sâu vào tìm hiểu thực trạng các quy định pháp luật liên quan.

Trong chương này, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề sau:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu về các vấn đề lý luận, luận văn đã đưa ra được những khái niệm và đặc điểm cơ bản về hợp tác xã, pháp luật về hợp tác xã. Nêu bật được những đặc điểm của hợp tác xã, vai trò của hợp tác xã nói chung, hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp, ý nghĩa của hoạt động của hợp tác xã đối với xã hội.

Thứ hai, luận văn đã khái quát khái niệm chuỗi giá trị, liên kết chuỗi giá trị trong các hợp tác xã kiểu mới, làm rõ được đặc thù về tổ chức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trong mô hình liên kết chuỗi giá trị, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho việc tổ chức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chương 2

PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP QUA THỰC TIỄN MÔ HÌNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ Ở BÀ RỊA – VŨNG TÀU

2.1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1. Những quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp

Theo quy định của pháp luật hiện hành về hợp tác xã (Luật Hợp tác xã năm 2012) thì hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức và hoạt động theo những nội dung cơ bản sau:

2.1.1.1. Quy định về hợp tác xã nông nghiệp

Theo quy định tại Điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2012: Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

Như vậy, dựa trên khái niệm hợp tác xã mà Luật hợp tác xã đã đưa ra thì Hợp tác xã nông nghiệp là một loại hình hợp tác xã. Đối với hợp tác xã nông nghiệp thì loại hình này được hiểu là một tổ chức về nông nghiệp với số lượng thành viên tối thiểu là 07 thành viên cùng tự nguyện thành lập, đồng sở hữu và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đồng thời hợp tác xã tạo ra việc làm cho những người nông dân, nhằm đáp ứng nhu cầu chung của tập thể các thành viên về tạo ra sản phẩm cũng như lợi nhuận đối với các hoạt động nông nghiệp. Hợp tác xã nông nghiệp cũng như các hợp tác xã khác là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hoạt động trên cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện cách thức quản lý hợp tác xã theo cơ chế bình đẳng và dân chủ.

2.1.1.2. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.3. Điều kiện trở thành thành viên hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.4. Quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.4.1. Quyền của thành viên hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.4.2. Nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.4.3. *Góp vốn điều lệ và giấy chứng nhận vốn góp*

2.1.1.5. *Thủ tục đăng ký kinh doanh*

2.1.1.6. *Cơ cấu, tổ chức của hợp tác xã nông nghiệp*

Theo Điều 29, Luật Hợp tác xã năm 2012, cơ cấu tổ chức hợp tác xã nông nghiệp gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.

2.1.1.6.1. *Đại hội thành viên*

2.1.1.6.2. *Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội thành viên*

2.1.1.6.3. *Hội đồng quản trị*

2.1.1.6.4. *Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị*

2.1.1.6.5. *Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị*

2.1.1.6.6. *Thành viên Hội đồng quản trị hợp tác xã nông nghiệp*

2.1.1.6.7. *Giám đốc (tổng giám đốc) hợp tác xã nông nghiệp*

2.1.1.6.8. *Kiểm soát viên, thành viên ban kiểm soát hợp tác xã nông nghiệp*

2.1.1.6.9. *Những người không được là thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên hoặc giám đốc (tổng giám đốc) hợp tác xã*

2.1.1.7. *Quy trình thành lập, giải thể hợp tác xã nông nghiệp*

2.1.1.7.1. *Thành lập hợp tác xã nông nghiệp*

Bước 1: Xác định nhu cầu hợp tác

Bước 2 : Sáng lập và công tác vận động

Bước 3: Tổ chức Hội nghị thành lập hợp tác xã nông nghiệp

Bước 4: Đăng ký Hợp tác xã nông nghiệp

2.1.1.7.2. *Giải thể hợp tác xã nông nghiệp*

Giải thể tự nguyện:

Giải thể bắt buộc:

2.2. Tình hình tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2.2.1. Kết quả đạt được

2.2.1.1. *Kết quả triển khai pháp luật và chính sách phát triển hợp tác xã của tỉnh*

Đề triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã 2012, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Trong thời gian qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương và ban hành nhiều văn bản của tỉnh về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, như:

Chỉ thị 35/CT-TU ngày 19/12/2013 của Tỉnh ủy về việc đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo tinh thần Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ chính trị; Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 11/06/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách khuyến khích hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 11/06/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 21/2020/NQ-

HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách khuyến khích hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,...

Bên cạnh đó tỉnh cũng đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển hợp tác xã như:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tổ chức các lớp tuyên truyền Luật hợp tác xã, các văn bản liên quan và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lãnh đạo thành viên hợp tác xã; tổ chức các lớp tập huấn về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp cho các đối tượng là người nông dân, thành viên hợp tác xã.

- Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Hàng năm tỉnh đã triển khai các văn bản của Liên minh hợp tác xã Việt Nam về chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm cho các hợp tác xã toàn quốc thông qua mạng lưới của CO.OP (Thành phố Hồ Chí Minh); triển khai các văn bản về hỗ trợ đưa các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh thực hiện phân phối qua “Gian hàng Việt trực tuyến” trên các sàn thương mại điện tử Việt Nam; về cung cấp sản phẩm đặc trưng cho Vietnam Airline giới thiệu, quảng bá phục vụ trên các chuyến bay; về tham gia đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ứng dụng thương mại điện tử nhằm phát triển sản xuất kinh doanh”.

- Hỗ trợ về thương mại điện tử: Tỉnh đã triển khai, thực hiện 03 đề án về thương mại điện tử, trong đó có đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xây dựng website thương mại điện tử nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh”.

- Hỗ trợ về khuyến công: Hàng năm, đã lựa chọn, đề xuất các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía nam tham gia Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Quốc gia. Hỗ trợ quảng bá thương hiệu thông qua hoạt động thông tin tuyên truyền và quảng bá thông tin, hình ảnh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu thông qua các kênh tuyên truyền như: website Trung tâm khuyến công, bản tin khuyến công, hệ thống đài truyền thanh cấp huyện. Trong đó có sản phẩm tiêu, sữa hoài sơn của hợp tác xã nông nghiệp – Thương mại – Du lịch Bàu Mây; sản phẩm nhãn sậy của Trang trại Minh Quang.

- Hoạt động hỗ trợ vốn: Quỹ hỗ trợ kinh tế tập thể tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ vốn cho các hợp tác xã vay tín chấp với lãi suất thấp.

- Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí: Các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tạo ra từ hoạt động dịch vụ trực tiếp phục vụ đời sống thành viên; các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ khai thác thủy sản, đánh bắt xa bờ có công suất máy chính từ 90cv trở lên thuộc đối tượng không chịu thuế gia tăng, cũng như được hưởng đầy đủ các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể theo quy định của Chính phủ như thực hiện giảm thuế, tiền thuế đất, thuế mặt bằng...

2.2.1.2. Kết quả tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2.2.1.2.1. Về số lượng hợp tác xã nông nghiệp

- Tính đến 31/12/2021, số lượng các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp là 101 hợp tác xã (tăng 68 hợp tác xã so với thời điểm 01/7/2013), cụ thể: 44 Hợp tác xã trồng trọt, 6 Hợp tác xã chăn nuôi, 22 Hợp tác xã thủy sản và 29 Hợp tác xã tổng hợp.

Số hợp tác xã nông nghiệp ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2021: Tổng số hợp tác xã nông nghiệp ngừng hoạt động chưa giải thể gồm 10 hợp tác xã (3 hợp tác xã trồng trọt, 1 hợp tác xã chăn nuôi, 4 hợp tác xã thủy sản, 2 hợp tác xã tổng hợp).

2.2.1.2.2. Về thành viên, lao động, trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp

Tổng số thành viên tham gia hợp tác xã nông nghiệp là 3.065 thành viên (tăng 1.803 người so với thời điểm 01/7/2013); tổng số lao động làm việc thường xuyên trong các hợp tác xã khoảng 2.669 người (tăng 1.221 người so với thời điểm 01/7/2013). Đa số lao động làm việc trong hợp tác xã đều là thành viên hợp tác xã.

Bình quân cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp (Ban quản trị/Hội đồng quản trị) là 03 người/ hợp tác xã, một số hợp tác xã nông nghiệp có quy mô lớn có 5 thành viên HĐQT/ hợp tác xã; ngoài ra, hợp tác xã có Ban điều hành (Giám đốc và Phó Giám đốc) và bộ phận cán bộ giúp việc. Bình quân 01 hợp tác xã nông nghiệp có từ 7-10 người quản lý, điều hành.

Trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp: tổng số cán bộ quản lý trong các hợp tác xã là 266 người, trong đó: trình độ cao đẳng, đại học 38 người (chiếm tỷ lệ 14,28%); trình độ sơ, trung cấp 65 người (chiếm tỷ lệ 24,43%); trình độ Phổ thông trung học 163 người (chiếm tỷ lệ 61,28%).

2.2.1.2.3. Mô hình liên kết chuỗi giá trị trong phát triển các hợp tác xã nông nghiệp

Với những ưu thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và con người, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời gian qua đã có những bước tiến quan trọng về xây dựng nông thôn mới, trong đó có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa. Tỉnh chú trọng phát triển mô hình này theo hướng đầu tư nhiều về vốn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bà Rịa – Vũng Tàu đang từng bước hình thành các vùng trồng lúa, vùng cây lâm sản, vùng chăn nuôi gia súc..., với các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, cá thể tư nhân. Quá trình đó sẽ làm thay đổi cơ cấu sản phẩm, cơ cấu lao động, đồng thời tăng sản phẩm xuất khẩu, thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại.

Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao như:

- Hợp tác xã nông nghiệp Thái Dương (xã Xà Bang) chuyên nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp và trồng cây ăn quả (thế mạnh là cây Bơ) cho năng suất cao; diện tích đang cho thu hoạch là 5 ha, một vụ cho sản lượng khoảng 30 tấn quả, doanh thu trung bình đạt 250 triệu đồng/ha;

- Hợp tác xã nuôi trồng nấm bào ngư xám Tân Giao chuyên sản xuất và mua bán nấm và phôi nấm bào ngư xám, nấm linh chi, nấm rơm, nấm mèo;

- Hợp tác xã nông nghiệp Công nghệ cao Bà Rịa-Vũng Tàu chuyên trồng cây lấy quả chứa dầu và tinh dầu (cây sachi, cây bưởi, chanh, cam, mù u, gấc, hồ tiêu, sả...), trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (hương nhu, hương thảo, oải hương, sả, long não, bạc hà, húng quế, húng chanh,...),...

- Trong lĩnh vực thủy sản có các hợp tác xã đang hoạt động trong loại hình nuôi trồng và khai thác thủy sản với việc áp dụng công nghệ cao trong nuôi trồng như: nuôi thâm canh theo công nghệ cao (*nuôi hồ lót bạt trong nhà màng theo hệ thống quy trình khép kín*), *áp dụng các máy móc cải tiến công nghệ trong bảo quản*, ... giúp nâng cao giá trị, đảm bảo chất lượng sản phẩm và phù hợp nhu cầu người tiêu dùng. Hiện nay, các Hợp tác xã đã hình thành việc liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cho

thành viên, tiêu biểu như hợp tác xã Khai thác và Dịch vụ Thủy sản Quyết Thắng, hợp tác xã Thủy sản Thống Nhất, hợp tác xã nông nghiệp Quyết Thắng,...

Bên cạnh đó còn xuất hiện các mô hình hội quán nông dân tiêu biểu như: hội quán nông dân hợp tác xã bưởi da xanh Sông Xoài, hội quán socola hợp tác xã nông nghiệp, thương mại, dịch vụ Xà Bang, hội quán nông dân hợp tác xã nông nghiệp Thái Dương, câu lạc bộ Hoài sơn, tiêu ở hợp tác xã nông nghiệp – thương mại – du lịch Bàu Mây, Việc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giúp hợp tác xã có được đầu ra sản phẩm ổn định, dần hình thành tác phong công nghiệp trong sản xuất nông nghiệp, đưa sản phẩm nông nghiệp thành sản phẩm hàng hóa nông nghiệp tăng sức cạnh tranh trên thị trường, giúp hợp tác xã có phương án sản xuất kinh doanh hợp lý hạn chế rủi ro, nhất là trong giao đoạn dịch Covid-19 kéo dài như hiện nay.

2.2.1.2.4. Kết quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang dần đi vào hoạt động đúng bản chất và quy định theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã dần được nâng lên, tạo việc làm cho người dân nông thôn, ổn định đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn cũng như thành viên hợp tác xã từ đó giúp thành viên và người nông dân sản xuất tin tưởng và tự nguyện gia nhập thành viên hoặc thành lập mới các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương cũng như góp phần hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Tổng số vốn điều lệ của của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là 216.715 triệu đồng, vốn hoạt động là 259.757 triệu đồng. Doanh thu bình quân của hợp tác xã là khoảng 3.000 triệu đồng/hợp tác xã/năm, trong đó lợi nhuận bình quân của hợp tác xã khoảng 250 triệu đồng/năm/hợp tác xã (*lợi nhuận được chia đều bình quân cho các Hợp tác xã hoạt động lợi nhuận ít và các Hợp tác xã mới thành lập*). Thu nhập bình quân của lao động làm việc tại hợp tác xã là 05 triệu đồng/người/tháng.

Đánh giá, xếp loại hợp tác xã năm 2020: số lượng hợp tác xã nông nghiệp được đánh giá, xếp loại theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

- Hợp tác xã nông nghiệp đủ điều kiện đánh giá, xếp loại: 69/92 hợp tác xã gồm: 11 hợp tác xã loại Tốt (chiếm tỷ lệ 15,94%), 30 hợp tác xã loại khá (chiếm tỷ lệ 43,48%), 24 hợp tác xã loại trung bình (chiếm tỷ lệ 34,78%), 04 hợp tác xã loại trung bình (chiếm tỷ lệ 5,8 %).

- Hợp tác xã không đủ điều kiện đánh giá, xếp loại: 23/92 hợp tác xã không đánh giá xếp loại do mới thành lập chưa hoạt động đủ 01 năm hoặc đã ngưng hoạt động.

Các hợp tác xã hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, sản xuất tiêu thụ rau an toàn, chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần thủy sản, diêm nghiệp. Trong đó, một số hợp tác xã nông nghiệp điển hình hoạt động có hiệu quả; có liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiêu biểu như:

- Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ An Nhứt, địa chỉ tại ấp An Hòa, xã An Nhứt, huyện Long Điền được thành lập từ năm 1986, hiện nay với 1.089 thành viên, tổng diện tích canh tác lúa là 218 ha. Tổng vốn điều lệ 500 triệu đồng, vốn hoạt động 3,2 tỷ đồng. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của Hợp tác xã là sản xuất lúa và cung ứng các dịch vụ cho thành viên Hợp tác xã. Hiện nay, 20 ha lúa được Hợp tác xã thực hiện canh tác sản xuất theo quy trình VietGap và đã được cấp giấy chứng nhận, phần diện tích

đất sản xuất canh tác còn lại theo quy trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh thái, 3 giảm 3 tăng để đảm bảo sản xuất sạch, sản phẩm an toàn. Hiện nay, Hợp tác xã đang thực hiện liên kết với doanh nghiệp tư nhân Thịnh Thành bao tiêu sản phẩm lúa cho thành viên Hợp tác xã.

- Hợp tác xã Khai thác Thủy sản Quyết Thắng, địa chỉ ấp Phước Hiệp, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền được thành lập năm 2005 với 54 thành viên tham gia. Hợp tác xã điều hành và tổ chức cho các thành viên hoạt động sản xuất chủ yếu trong 02 lĩnh vực là khai thác đánh bắt xa bờ và dịch vụ khai thác thủy sản. Đến nay, cùng với 54 thành viên từ lúc thành lập đã trải qua hơn 15 năm hoạt động, quy mô của Hợp tác xã Dịch vụ Khai thác Thủy sản Quyết Thắng ngày càng phát triển và mang lại nhiều giá trị về kinh tế lẫn đời sống cho thành viên hợp tác xã, người lao động, gồm: Tổng giá trị tài sản của Hợp tác xã lên đến 67.000 triệu đồng, vốn điều lệ của Hợp tác xã là 1.900 triệu đồng; Tổng doanh thu hàng năm của Hợp tác xã đạt từ 50.000 – 55.000 triệu đồng/năm; Lợi nhuận hàng năm đạt từ 6.000 – 7.500 triệu đồng/năm; Thu hút và tạo việc làm cho 125 người lao động tại địa phương trong hoạt động khai thác đánh bắt và dịch vụ khai thác thủy sản.

- Hợp tác xã Bưởi da xanh Sông Xoài, địa chỉ tại tổ 7, ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài, thị xã Phú Mỹ được thành lập năm 2013, hiện nay với 120 thành viên và tổng diện tích canh tác là 135 ha. Hợp tác xã đã hướng dẫn các thành viên kỹ thuật, quy trình canh tác theo hướng VietGap cũng như bao tiêu sản phẩm cho các thành viên. Bên cạnh đó, hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất và sản phẩm bưởi đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu Chứng nhận nên giá trị và chất lượng sản phẩm được nâng cao từ đó tăng tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường, giúp người nông dân sản xuất tăng thu nhập và ổn định đời sống.

- Hợp tác xã Nông nghiệp – Thương mại – Du lịch Bầu Mây, địa chỉ tại Ấp Phú Tâm, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc với 13 thành viên. Tổng vốn điều lệ 10.000 triệu đồng, vốn hoạt động 10.000 triệu đồng. Diện tích canh tác 220 ha, trong đó có 12 ha đã được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP. Hợp tác xã sản xuất, chế biến các sản phẩm hồ tiêu và được xuất ra thị trường ngoài nước.

- Hợp tác xã nông nghiệp Quyết Thắng, địa chỉ tại Phường Long Hương, thành phố Bà Rịa với 80 thành viên tham gia với ngành nghề chủ yếu là trồng lúa và nuôi thủy sản. Hiện nay, hợp tác xã đang nuôi tôm thẻ áp dụng nuôi thâm canh theo công nghệ cao mang lại hiệu quả về kinh tế cho Hợp tác xã, giúp tăng thu nhập và ổn định đời sống cho thành viên hợp tác xã.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2.2.2.1. Những tồn tại, hạn chế

- Nhận thức về hợp tác xã và Luật Hợp tác xã của thành viên Hợp tác xã chưa rõ ràng. Việc chuyển đổi và thành lập mới Hợp tác xã còn nặng tính hình thức theo phong trào và thiếu những mô hình hoạt động có hiệu quả. Thành viên tham gia hợp tác xã chưa thấy được nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hợp tác xã.

- Tiến độ đăng ký lại hoạt động hợp tác xã còn chậm, việc củng cố, phát triển hoặc giải thể các hợp tác xã hoạt động yếu kém cũng chưa được thực hiện triệt để và hiệu quả. Một số địa phương cấp huyện đã thực hiện chuyển đổi và đăng ký lại hoạt động của các hợp tác xã nhưng vẫn còn tình trạng thực hiện đăng ký lại hoạt động của các hợp tác xã một cách hình thức.

- Nhiều hợp tác xã còn lúng túng trong việc xây dựng chiến lược, định hướng kinh doanh, không có lộ trình phát triển cụ thể, việc tổ chức sản xuất và cung ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra chưa bền vững, chất lượng, quản lý, điều hành hoạt động hợp tác xã chưa cao, chưa khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của địa phương cũng như các chính sách ưu đãi của nhà nước đối với hợp tác xã.

- Nhiều hợp tác xã nông nghiệp hoạt động chưa đúng phương án sản xuất kinh doanh, thậm chí một số hợp tác xã không lập kế hoạch hoạt động, chưa quan tâm nhiều đến sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị, chưa xác định sản phẩm chủ lực để tập trung đầu tư xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường. Việc hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn ít và chưa bền vững.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất mặc dù đã được các hợp tác xã đầu tư và cải thiện nhưng vẫn còn thiếu và lạc hậu nên dẫn đến việc sản xuất chưa ổn định, chưa chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bảo quản, chế biến sản phẩm dẫn đến giá trị và chất lượng sản phẩm chưa được nâng cao để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

2.2.2.2. *Khó khăn, vướng mắc*

- Cơ chế chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp được ban hành khá đầy đủ tuy nhiên một số chính sách chưa đi vào cuộc sống, triển khai thực tế gặp nhiều khó khăn và chưa hiệu quả, như chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng, tài chính tín dụng, vay vốn, thuế, chế biến sản phẩm, chính sách đất đai.

- Tỉnh chưa có chính sách hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp còn mang tính manh mún, nhỏ lẻ thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa những người sản xuất, dẫn đến hạn chế liên kết giữa doanh nghiệp với người sản xuất, tạo ra sự bất hợp lý trong phân phối lợi ích giữa các khâu trong chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất nông phẩm hàng hóa, trong khi doanh nghiệp chính là nhân tố cốt lõi tham gia thúc đẩy sản xuất hàng hóa và đảm bảo tính ổn định cho đầu ra của các sản phẩm nông nghiệp.

- Trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã được chú trọng quan tâm và hỗ trợ cho các hợp tác xã tuy nhiên số lượng hợp tác xã được tiếp cận ít do chính sách tại địa phương mang tính thí điểm nên thời gian thực hiện chính sách trong giai đoạn ngắn và nguồn kinh phí phân bổ ít so với nhu cầu của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Năng lực, trình độ của cán bộ điều hành hợp tác xã: còn thấp và tổ chức bộ máy thiếu ổn định; nhân sự quản lý đa số đều lớn tuổi, thiếu cán bộ kế cận nên việc xây dựng dự án đề xuất hỗ trợ hoặc phương án sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn.

- Năng lực nội tại của nhiều hợp tác xã nông nghiệp còn yếu và chưa thực sự gắn chặt chẽ với hoạt động sản xuất của các thành viên. Tổ chức bộ máy thiếu ổn định, nhân sự quản lý đa số đều lớn tuổi trong khi không có cán bộ trẻ kế cận. Tiềm lực về vốn, tài chính hạn chế.

- Nhiều hợp tác xã chưa hoạt động hiệu quả thật sự, vốn điều lệ thấp, phương án sản xuất kinh doanh thiếu khả thi nên chưa thu hút được các hộ nông dân trên địa bàn tham gia; trong kinh doanh, giá cả vật tư đầu vào và đầu ra không ổn định, diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho người sản xuất nông nghiệp, khó có điều kiện để phát triển bền vững và tích lũy để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; mối quan hệ giữa

các thành viên trong việc tổ chức sản xuất của các hợp tác xã còn lỏng lẻo, thiếu bền vững; việc đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo mô hình liên kết “4 nhà” vẫn chưa chặt chẽ, các mối “liên kết dọc và ngang” hình thành và phát triển gặp nhiều khó khăn.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Luật Hợp tác xã năm 2012 đã tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương triển khai, thực hiện, tuy nhiên một số điều, khoản của Luật qua thực tiễn thực hiện vẫn còn bất cập, chưa phù hợp.

- Kinh phí để triển khai thực hiện Luật hợp tác xã còn hạn chế nên công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát còn chưa được thường xuyên, liên tục. Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp, việc giám sát, kiểm tra và xử lý những sai phạm trong việc thực hiện Luật hợp tác xã chưa kiên quyết. Một số huyện chưa thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, do đó việc đôn đốc, chỉ đạo thực hiện còn chưa thường xuyên.

- Một số cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở thiếu sự quan tâm, tạo điều kiện cho hợp tác xã nông nghiệp phát triển, một số nơi lại can thiệp quá sâu vào hoạt động của hợp tác xã, đặc biệt là các hoạt động điều hành sản xuất, tài chính, nhân sự.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và các chuyên gia tư vấn hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã vừa thiếu, vừa yếu, sự quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ cho kinh tế tập thể còn hạn chế...

- Tình hình vốn, quỹ của các hợp tác xã còn khó khăn, mức vốn bình quân của các hợp tác xã thấp và chủ yếu là vốn tài sản cố định đã sử dụng lâu năm, nhà xưởng và thiết bị xuống cấp, lạc hậu. Các hợp tác xã khó tiếp cận vốn vay ưu đãi từ các tổ chức tín dụng, trong khi đó việc huy động vốn từ thành viên khó khăn ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã thiếu chủ động, trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước.

- Một số hợp tác xã không đủ điều kiện để thụ hưởng chính sách (như không có tài sản thế chấp, không có đủ vốn đối ứng, doanh thu, thu nhập thấp,...) hoặc do các địa phương không còn quỹ đất giao cho các hợp tác xã nông nghiệp làm trụ sở hay thuê đất sản xuất kinh doanh.

- Tuy đã được tuyên truyền, tập huấn, song nhận thức của một bộ phận cán bộ các cấp và một bộ phận nông dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vai trò bản chất của hợp tác xã kiểu mới trong tình hình sản xuất nông nghiệp hiện nay.

2.3. Những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã

2.3.1. Ưu điểm

- Các chủ trương đường lối của Đảng về phát triển hợp tác xã đã được thể chế hóa cụ thể, sâu sắc trong Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Luật quy định rõ hơn về chức năng quản lý nhà nước về chuyên ngành; quy định rõ bản chất, tổ chức quản lý của hợp tác xã; quyền, nghĩa vụ của hợp tác xã và thành viên...

- Luật Hợp tác xã năm 2012 đã mang lại diện mạo mới cho khu vực kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã bằng nhiều con số biết nói,...

- Luật Hợp tác xã năm 2012 đã xây dựng mô hình tổ chức Hợp tác xã kiểu mới là tổ chức do các thành viên tự nguyện hợp tác với nhau nhằm tương trợ lẫn nhau, đáp ứng nhu cầu chung về sản phẩm, dịch vụ cho chính mình; hợp thành khu vực thứ ba của nền kinh tế bên cạnh khu vực công và khu vực tư.

- Mô hình tổ chức hợp tác xã trong Luật Hợp tác xã năm 2012 có khả năng thu

hút số lượng lớn thành viên, gắn kết hoạt động và đời sống của họ cả về chiều ngang và chiều dọc, liên kết sản xuất.

- Luật Hợp tác xã năm 2012 đã khuyến khích và phát triển mạnh mẽ mô hình hợp tác xã kiểu mới; từng bước phát triển thành phong trào rộng khắp sẽ góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân nhất là các người nông dân.

2.3.2. Hạn chế

- Luật Hợp tác xã năm 2012 chưa thể hiện rõ bản chất tổ chức hợp tác xã, sự khác biệt về bản chất giữa tổ chức hợp tác xã với doanh nghiệp và với tổ chức xã hội - từ thiện.

- Luật Hợp tác xã năm 2012 chưa làm rõ tính chất phục vụ xã viên (thành viên) của tổ chức hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết số 13 Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa IX đã đề ra: *“Kinh tế tập thể với hình thức phổ biến là tổ hợp tác và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trong lĩnh vực nông nghiệp trước hết tập trung làm các khâu dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ thành viên”*.

- Luật Hợp tác xã năm 2012 không thừa nhận hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, nhưng trên thực tế lại phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, lại phải trả lương cho ban lãnh đạo hợp tác xã (Giám đốc, Phó Giám đốc) theo mức lương tối thiểu vùng như Doanh nghiệp.

- Việc quy định mức vốn góp của thành viên hợp tác xã không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã ở (Khoản 1, Điều 17, Luật Hợp tác xã năm 2012) là chưa phù hợp.

- Việc quy định chấm dứt tư cách thành viên, hợp tác xã khi thành viên, hợp tác xã thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ nhưng không quá 03 năm. Đối với hợp tác xã tạo việc làm, thành viên không làm việc trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ nhưng không quá 02 năm như điểm e, khoản 1 Điều 16, Luật Hợp tác xã năm 2012 là chưa phù hợp.

- Khoản 1 Điều 30 Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định “Đại hội thành viên gồm đại hội thành viên thường niên và đại hội thành viên bất thường” nhưng không quy định đại hội theo nhiệm kỳ, trong khi đó tại khoản 2 Điều 35 có quy định “Nhiệm kỳ của hội đồng trị hợp tác xã do điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 02 năm, tối đa là 05 năm”.

- Việc quy định số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên tại khoản 4 Điều 30, Luật Hợp tác xã năm 2012 chưa phù hợp.

- Khoản 15 Điều 32, Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên hưởng mức thù lao, tiền thưởng còn giám đốc, phó giám đốc và các chức danh quản lý khác hưởng tiền công, tiền lương là chưa hợp lý.

- Về trình tự các bước chuyển tiếp, tại khoản 1, Điều 62 trong Luật Hợp tác xã năm 2012 ghi là “đăng ký lại”, trong khi tại khoản 2 và 3, Điều 32 của Nghị định 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ lại ghi “đăng ký thay đổi” để chỉ dẫn việc Hợp tác xã tiếp tục đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012, nhiều Hợp tác xã lúng túng về việc chuyển đổi, đăng ký lại hoạt động.

2.4. Bài học kinh nghiệm cho tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp qua mô hình liên kết chuỗi giá trị cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Một là: Các cấp ủy đảng, chính quyền chú trọng công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể một cách đầy đủ, thường xuyên kịp thời; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra,

trong việc triển khai tổ chức thực hiện, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên trong chỉ đạo vận động tổ chức thực hiện.

Hai là: Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước của cán bộ ở cơ sở xã, phường, thị trấn nhằm giúp đỡ, tạo điều kiện, cũng như giám sát các hoạt động kinh tế tập thể trên địa bàn.

Ba là: Tạo ra các cơ chế hỗ trợ thiết thực hợp lý cho các hoạt động của hợp tác xã, phát triển các hoạt động liên kết hợp tác giữa các hợp tác xã, giữa hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp khác; chú trọng việc đào tạo và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng việc quản lý, điều hành hợp tác xã; xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; xây dựng các gương điển hình sản xuất kinh doanh tốt trên lĩnh vực kinh tế tập thể, tuyên truyền làm cho người dân được thuyết phục yên tâm, hăng hái tham gia các hoạt động kinh tế tập thể.

Bốn là: Các hợp tác xã phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; chủ động, nỗ lực phấn đấu bằng chính nội lực khả năng của mình, xây dựng định hướng kinh doanh phù hợp; đổi mới thực sự cả về nhận thức và phương pháp thực hiện, phương pháp quản lý, chế độ phân phối và tích lũy để tổ chức lại hoạt động dịch vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với lợi ích của các thành viên cả lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương 2 này, tác giả đã tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản sau:

Một là, luận văn đã hệ thống hoá và phân tích những quy định pháp luật của Việt Nam về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Hai là, luận văn đã phân tích bức tranh toàn cảnh về thực trạng áp dụng pháp luật tổ chức và hoạt động của hợp tác xã qua thực tiễn mô hình liên kết chuỗi giá trị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trong đó tập trung cáo các nội dung: cơ cấu tổ chức và thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp sau đại hội chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong mọi thời kỳ cách mạng. Việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã không chỉ là vấn đề về kinh tế mà còn là vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, nhất là các đối tượng yếu thế. Luật Hợp tác xã năm 2012 được ban hành thay thế cho Luật Hợp tác xã năm 2003 đã mở ra trang mới cho việc hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ quá trình phát triển của hợp tác xã ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm qua, hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập và có nguy cơ tụt hậu, nhất là trong bối cảnh xuất hiện nhiều cú sốc, yếu tố bất ổn phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ... Do đó, việc đổi mới để khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển càng trở nên cấp bách.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động hợp tác xã

3.2.1.1. Về đề nghị sửa đổi bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012

Qua thực tiễn nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bản thân xin đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định trong Luật Hợp tác xã năm 2012 như sau:

- Đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 3 về quy định khái niệm hợp tác xã. Cần nghiên cứu để bổ sung quy định rõ hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp giống như Luật hợp tác xã năm 2003 trước đây để thừa nhận hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp.

- Đề nghị nên tăng mức vốn góp của thành viên hợp tác xã (không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã ở khoản 1 Điều 17). Tạo điều kiện để hợp tác xã tăng cường huy động vốn thông qua việc góp vốn của thành viên. Mặt khác cần nghiên cứu để điều chỉnh bổ sung Điều 42 về xác định giá trị vốn góp cho phù hợp hơn. Nên quy định vốn góp bằng tiền đồng Việt Nam để thuận tiện cho việc xác định được tỷ lệ phân phối thu nhập theo vốn góp đảm bảo chính xác và công bằng.

- Đề nghị không nên quy định chấm dứt tư cách thành viên, hợp tác xã thành viên như điểm e, khoản 1 Điều 16. Vì thành viên tự nguyện thành lập hợp tác xã, tự nguyện gia nhập hợp tác xã để có được những lợi ích cho mình, như vay vốn, mua hàng, sử dụng dịch vụ... phù hợp với nhu cầu, mong muốn của họ. Hợp tác xã do thành viên thành lập, hợp tác xã có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho thành viên chứ không phải là quyền của hợp tác xã.

- Tại khoản 1, Điều 30 quy định “*Đại hội thành viên gồm đại hội thành viên thường niên và đại hội thành viên bất thường*” nhưng không quy định Đại hội theo nhiệm kỳ trong khi đó tại khoản 2 Điều 35 có quy định “*Nhiệm kỳ của hội đồng trị hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã do điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 02 năm, tối đa là 05 năm*” và tại khoản 1, Điều 31 quy định “*Đại hội thành viên thường niên phải được họp trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính do hội đồng quản trị triệu tập*”. Như vậy không thể đồng nhất đại hội thường niên với đại hội nhiệm kỳ được. Đề nghị nghiên cứu sửa đổi bổ sung.

- Đề nghị sửa đổi quy định số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên tại khoản 4 Điều 30 cho phù hợp hơn, tạo điều kiện để hợp tác xã có thể tổ chức được đại hội. Bởi vì, đa số hợp tác xã đều khó khăn về hội trường tổ chức đại hội cũng như về kinh phí khi phải có số lượng đại biểu dự đại hội lớn.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 32 quy định thành viên hội đồng hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên hưởng tiền công, tiền lương như giám đốc, phó giám đốc và các chức danh quản lý khác.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 57 quy định “*Tổ chức đại diện của hợp tác xã, do các hợp tác xã tự nguyện thành lập nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*”. Quy định rõ tổ chức đại diện của hợp tác xã do Nhà nước thành lập ra để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho hợp tác xã và tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã để phù hợp và thực tế hơn.

- Đề nghị không nên quy định tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho khách hàng không phải là thành viên của hợp tác xã như khoản 2, Điều 5 của Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã để tạo sự bình đẳng trong kinh doanh giữa các hợp tác xã với các loại hình doanh nghiệp khác.

3.2.1.2. Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện hệ thống các Luật chuyên ngành, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

- Kiến nghị sớm rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Luật chuyên ngành, còn chưa thống nhất, chông chéo gây khó khăn, vướng mắc khi triển khai thi hành hoặc có sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp và hợp tác xã. Cụ thể như: Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã (Điều 6, Điểm 3, Khoản b Luật Hợp tác xã năm 2012). Việc giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã cần có quy định cụ thể hơn vì theo Luật Đất đai: việc giao đất, cho thuê đất phải tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất (Điều 118, Luật Đất đai 2013). Trong khi đó, đất đai là tài sản không chia của hợp tác xã (thuộc sở hữu tập thể) do đó cần có quy định và hướng dẫn riêng.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật quy định trực tiếp đến đối tượng hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp như: Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số 83/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 24/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 31/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính...

3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp

3.2.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chính sách về hợp tác xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền luật hợp tác xã và các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp nâng cao nhận thức của cán bộ hợp tác xã, xã viên về hợp tác xã để vận dụng và thực hiện đúng Luật hợp tác xã. Trong đó, chú trọng khắc phục những biểu hiện lệch lạc về nhận thức như hiểu không đúng bản chất, nguyên tắc và các giá trị của hợp tác xã; không thấy được đầy đủ vai trò, vị trí của khu vực hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng của quận tích cực vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tự nguyện tham gia phát triển hợp tác xã; tăng cường giám sát, phản biện chính sách phát triển hợp tác xã của tỉnh; chủ động phối hợp, tạo điều kiện để Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước; hoàn thành chức năng, nhiệm vụ về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác xã.

- Các cơ quan thông tin: Báo, Đài Phát thanh và truyền hình Bên cạnh việc tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển hợp tác xã, cần tăng cường giới thiệu các mô hình hợp tác xã kiểu mới, kinh nghiệm của phong trào hợp tác xã trong khu vực và quốc tế; nhân rộng các mô hình hợp tác xã kinh doanh có hiệu quả đầy mạnh tuyên truyền, học tập về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hợp tác xã kiểu mới từ thực tiễn; qua đó, làm rõ vị trí, vai trò kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế. Cần đẩy mạnh cơ chế khuyến khích, biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích tốt.

3.2.2.2. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng các cấp, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, của Liên minh hợp tác xã tỉnh và Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể

Cần xác định rằng, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển Kinh tế tập thể thông qua việc tạo khung pháp luật, ban hành các chính sách hỗ trợ, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, chính trị và xã hội.

3.2.2.3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển Hợp tác xã

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; chính sách cần đủ mạnh, đủ tầm; chính sách phải phù hợp với điều kiện tổ chức và hoạt động của hợp tác xã, dễ dàng trong việc triển khai thực hiện; chính sách phải được thống nhất và tổ chức thi hành trên phạm vi cả nước. Những bức xúc lớn nhất hiện nay của hợp tác xã là mặt bằng để triển khai các hoạt động, vốn và nguồn lực con người. Do vậy, thời gian tới cần đặc biệt tập trung tháo gỡ và có những chính sách đủ mạnh để hỗ trợ hợp tác xã. Từ thực tiễn ở địa phương cho thấy, thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp tác xã trong thời gian tới cần chú trọng đến các nội dung sau:

- Về hỗ trợ nguồn nhân lực: Hàng năm, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chức danh Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý nghiệp vụ hợp tác xã; kế hoạch đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp cho bộ quản lý, nghiệp vụ hợp tác xã từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ theo quy định. Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật về kiến thức pháp luật, kiến thức quản lý hợp tác xã, các chính sách của nhà nước đối với kinh tế tập thể cho cán bộ tư vấn, cán bộ QLNN đối với hợp tác xã.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại: Tăng cường xây dựng chương trình quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ của các hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành; hỗ trợ các hợp tác xã có sản phẩm xuất khẩu tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Tổ chức cho các hợp tác xã đi tham quan, học tập kinh nghiệm quản lý, mô hình hợp tác xã tiên tiến, tại các nước và các tỉnh, thành trong nước.

- Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ: Xây dựng kế hoạch và triển khai hỗ trợ các hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phát triển sản xuất kinh doanh và tham gia các chương trình phát triển kinh tế, xã hội bằng việc hỗ trợ triển khai các dự án kinh tế xã hội, cùng các hợp tác xã tổ chức thực hiện các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt; (cấp điện, cấp nước, đường giao thông, xử lý nước thải,...) đối với các hợp tác xã có các dự án phát triển sản xuất ở các ngành, lĩnh vực thiết thực phục vụ đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, phù hợp và phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 11/06/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách khuyến khích hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát công tác thi hành Luật hợp tác xã

Tăng cường công tác giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đối với việc thực hiện chính sách pháp

luật về phát triển hợp tác xã theo Luật hợp tác năm 2012; kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập khi triển khai thực hiện luật và các văn bản hướng dẫn trên thực tế để kiến nghị tỉnh, Trung ương bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về hợp tác xã kể cả đối với cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã và hoạt động của các hợp tác xã, của thành viên hợp tác xã. Tập trung thanh tra, kiểm tra về các quy trình điều kiện thành lập hợp tác xã, về đại hội thành viên, về quản lý tài chính, về báo cáo công khai minh bạch tài chính, tài sản.

3.2.2.5. Xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới, các mô hình liên kết chuỗi giá trị hiệu quả

Xây dựng các mô hình điển hình các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, mô hình liên hiệp các hợp tác xã nông nghiệp. Các mô hình này sẽ giúp nông dân khắc phục cơ bản những thua thiệt trên thị trường, gia tăng lợi ích thông qua liên kết hữu cơ trong chuỗi giá trị sản phẩm nhằm tăng cường sức mạnh tập thể của các thành viên.

Định kỳ tổ chức sơ tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm về phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Qua đó kịp thời rút ra những bài học tốt để phát huy, những kinh nghiệm chưa tốt để khắc phục. Xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã điển hình trong nông nghiệp. Tập trung xây dựng và từng bước nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp, hỗ trợ các hợp tác xã trong liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ tại các vùng nguyên liệu tập trung có lợi thế cạnh tranh của địa phương như: lúa, tiêu, thủy sản, rau màu,...

3.2.2.6. Phát triển hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể

Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào hợp tác xã mạnh. Tập trung hình thành và phát triển các mạng lưới tư vấn, hỗ trợ các hợp tác xã mới thành lập về pháp lý, về quản trị sản xuất, kinh doanh và tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển với các lực lượng kinh tế khác, nhất là với các doanh nghiệp, coi đây là phương thức hiệu quả nhất để nâng cao năng lực công nghệ và giải quyết các vấn đề thị trường cho nông nghiệp, nông dân trong giai đoạn phát triển tới.

Tiểu kết Chương 3

Trong chương 3 này, tác giả đã làm rõ những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, đưa ra quan điểm hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Thứ hai, trên cơ sở phân tích về những tích cực và hạn chế của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nói chung, hợp tác xã trên lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, luận văn đã đưa ra những giải pháp kiến nghị cụ thể nhằm giúp hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Thứ ba, trên cơ sở các số liệu khảo sát cũng như những thành công và hạn chế của việc áp dụng pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trong thực tiễn, tác giả đã đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

KẾT LUẬN

Bà Rịa – Vũng Tàu là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước, sau gần 10 năm triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, hoạt động của các hợp tác xã tại Bà Rịa – Vũng Tàu đã có bước phát triển quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình chuyển sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại, từng bước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; do đó, đòi hỏi phải thúc đẩy phát triển hợp tác xã nông nghiệp để trở thành đầu mối kinh tế cho các nông hộ và trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

Thực tế thời gian qua cho thấy, trong sản xuất nông nghiệp đã có nhiều hợp tác xã trong tỉnh làm tốt vai trò là “bà đỡ” cho các hộ nông dân liên kết với nhau để chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phát triển thành sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiệu quả cao thông qua mô hình liên kết chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, các hợp tác xã nông nghiệp thường tổ chức cung ứng một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất của các hộ thành viên (cung ứng vật tư, giống, phân bón, tư vấn hỗ trợ chuyển giao quy trình kỹ thuật,...), một số hợp tác xã còn tổ chức tiêu thụ sản phẩm, hoặc trực tiếp làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. Nhờ vậy, người sản xuất nhỏ chẳng những tránh được tình trạng bị ép giá, mà giá trị sản phẩm, lợi nhuận và hiệu quả sản xuất được tăng lên, nhất là đối với những hộ nông dân nghèo thiếu kinh nghiệm và thiếu vốn đầu tư.

Qua nghiên cứu, học tập và dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình phát triển, những thuận lợi, khó khăn cũng như phân tích để chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đề tài đã đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động hợp tác xã đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần vào sự phát triển của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế, xã hội của Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hợp tác xã năm 1996;
2. Luật Hợp tác xã năm 2003;
3. Luật Hợp tác xã năm 2012;
4. Luật Đất đai 2013;
5. Luật Ngân sách năm 2015;
6. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã 2012;
7. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
8. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;
9. Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;
10. Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
11. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 9 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
12. Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã;
13. Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của Hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;
14. Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã;
15. Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;
16. Quyết định 1280/QĐ-BNN-HTQT ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án “Tăng cường chức năng hợp tác xã nông nghiệp tại Việt Nam giai đoạn II” do Nhật Bản tài trợ;
17. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
18. Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/1012 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
19. Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về đẩy tiếp tục hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
20. Nguyễn Văn Giàu (2012), Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội NXB Tri thức;

21. Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu (2020), Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lần thứ VII;

22. Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu (2019) Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “Tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

23. UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2021) Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

23. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2021) Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

24. Liên Minh hợp tác xã tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2021), Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.